TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

2. Bà Trần Thị Đổi

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 788/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1964 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện Đ H, tỉnh Long An.
2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện ĐH, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2018, nguyên đơn Phan Văn Thỉnh trình bày tóm tắt như sau:

Ông T và Bà Huỳnh Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, đến năm 1999 không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, hai bên không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân nên ông và Bà N đã không còn chung sống từ năm 1999 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Bà N.

Về con chung: Ông T xác định ông với Bà N không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định hai bên không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 13/7/2048, bị đơn Huỳnh Thị Nhưng trình bày tóm tắt như sau: Bà thống nhất với ý kiến của Ông T về quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng. Bà N xác định hai bên không còn chung sống từ năm 1999 cho đến nay, không còn tình cảm nên bà đồng ý ly hôn với Ông T.

Về con chung: Bà N xác định bà với Ông T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N thống nhất với ý kiến của Ông T là hai bên không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, Ông T và Bà N đều có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ông T và Bà N.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn T và Bà Huỳnh Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, đến nay không có đăng ký kết hôn. Nay Ông T yêu cầu ly hôn với Bà N, Bà N đồng ý ly hôn với Ông T. Xét yêu cầu ly hôn của Ông T thấy rằng: Ông T và Bà N đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và không còn chung sống từ năm 1999 cho đến nay, vợ chồng không còn tình cảm. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 và Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận Thỉnh Bà N là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Không có.

[2.3]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp đương sự có tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Phan Văn Thỉnh phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Bị đơn Huỳnh Thị Nhưng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Phan Văn T xin ly hôn với Bà Huỳnh Thị N.

1. Về hôn nhân: Không công nhận Ông Phan Văn T và Bà Huỳnh Thị N là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phan Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Ông T đã nộp tại biên lai thu số 0002804 ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành. Bị đơn Huỳnh Thị Nhưng không phải chịu án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hoàng – Trần Thị Đổi **Bùi Ngọc Tuyến**

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hánh án dân sự huyện Đức Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Ngọc Tuyến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Văn Hùng – Nguyễn Văn Minh **Bùi Ngọc Tuyến**